

Số: 25/2025/QĐST-DS

Ninh Bình, ngày 18 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn T, sinh ngày 20-10-1968; số căn cước công dân: 036068002xxx; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 2/29 T, phường N, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành Q, sinh ngày 20-10-1984; số căn cước công dân: 036084003xxx; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 267 đường Vũ Hữu L, phường N, tỉnh Ninh Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Trần Thị Đ, sinh ngày 03-5-1966; số căn cước công dân: 036166005xxx; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 2/29 T, phường N, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn T, sinh ngày 20-10-

1968; số căn cước công dân: 036068002xxx; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 2/29 T, phường N, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Lê Thị Hồng V, sinh ngày 19-11-1988; số căn cước công dân: 036188008xxx; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 64 đường M, phường N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số nhà 267 đường V, phường N, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thành Q, sinh ngày 20-10-1984; số căn cước công dân: 036084003xxx; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 267 đường V, phường N, tỉnh Ninh Bình.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Thành Q và bà Lê Thị Hồng V phải sửa chữa công trình xây dựng, phá dỡ các phần xây dựng bị nghiêng, lún chiếm khoảng không nằm trên thửa đất số 44, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Số 267 đường V, P, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) để trả lại phần khoảng không bị chồng lấn, nghiêng sang sang thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Tổ 7 đường V, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) của ông Trần Văn T và bà Trần Thị Đ. Cụ thể các phần khoảng không bị chồng lấn của thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21 như sau:

- Phần tường và mái tầng 1 căn nhà của ông Nguyễn Thành Q và bà Lê Thị Hồng V đang chồng lấn, nghiêng sang thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21 của ông Trần Văn T và bà Trần Thị Đ có tổng diện tích khoảng không tương ứng với diện tích mặt đất là 1,39m², kích thước cụ thể: Điểm đầu lấn chiếm khoảng không bắt đầu từ chỉ giới thửa đất (ký hiệu A trên sơ đồ hiện trạng) có chiều rộng khoảng không là 06cm, chạy dài 16,30m đến điểm cuối (ký hiệu B trên sơ đồ hiện trạng) có chiều rộng khoảng không là 11cm.

- Phần tường và mái tầng 2 căn nhà của ông Nguyễn Thành Q và bà Lê Thị Hồng V đang chồng lấn, nghiêng sang thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21 của ông Trần Văn T và bà Trần Thị Đ có tổng diện tích khoảng không tương ứng với diện tích mặt đất là 1,56m², kích thước cụ thể: Điểm đầu lấn chiếm khoảng không bắt đầu từ chỉ giới thửa đất (ký hiệu C trên sơ đồ hiện trạng) có chiều rộng khoảng không là 09cm, chạy dài 13,60m đến điểm cuối (ký hiệu B trên sơ đồ hiện trạng) có chiều rộng khoảng không là 14cm.

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thành Q và bà Lê Thị Hồng V tháo dỡ các phần ô-văng tầng 1 của căn nhà (thuộc diện tích lưu không) đang chồng lấn, nghiêng sang phần đất lưu không phía trước thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21 của ông Trần Văn T và bà Trần Thị Đ.

(kèm theo quyết định là sơ đồ hiện trạng của 2 thửa đất và các phần chồng lấn, nghiêng sang thửa đất số 45, tờ bản đồ số 21)

2. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Trần Văn T và ông Nguyễn Thành Q tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành Q tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn).

- Trả lại ông Trần Văn T 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001224 ngày 06 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV7 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Bang